

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lù Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Chị Đàm Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/10/2012 anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc theo đúng quy định của pháp luật và trên cơ sở hai bên tự nguyện yêu thương, kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do giữa hai anh chị có nhiều sự khác biệt về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con chung và xây dựng kinh tế gia đình. Từ đó hai anh chị thường xuyên cãi nhau, không còn có sự quan tâm, chia sẻ cho nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng như gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn không khắc phục được nên hiện nay anh chị đã tự sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân hai bên không

còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Đến nay, xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T sinh được 02 người con chung là cháu Lù Bảo Q, sinh ngày 20/12/2013 và cháu Lù Hải P, sinh ngày 07/8/2015, hiện cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận để anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Lù Bảo Q, Lù Hải P đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Đàm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng/ cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về lãi suất chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T thỏa thuận kể từ ngày anh Lù Văn T có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Đàm Thị T không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng chị còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí: Anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Bảo Q, sinh ngày 20/12/2013 và cháu Lù Hải P, sinh ngày 07/8/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đàm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho mỗi cháu là 1.000.000

đồng/tháng/cháu (Mỗi cháu một triệu đồng một tháng) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Đàm Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Lù Văn T có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Đàm Thị T không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng chị còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí: Anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000004481074 ngày 22/5/2025 và Biên lai số 0002937 ngày 26/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Anh Lù Văn T và chị Đàm Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bát Xát (02);
- Các đương sự (02);
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bát Xát;
- Lưu hồ sơ; Tập QĐ; VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng